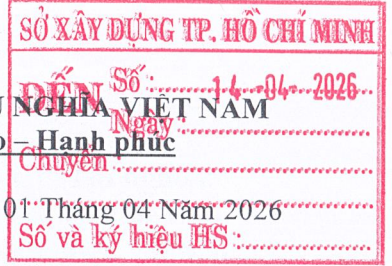


CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
SON TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/04/2026ST26

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 01 Tháng 04 Năm 2026



CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây Dựng Thành Phố Chí Minh

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ giấy chứng nhận thí nghiệm chuyên ngành thí nghiệm số 3795/GCN-SXD ngày 18 tháng 07 năm 2024.
- Căn cứ biên bản đánh giá thực tế tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 05 tháng 07 năm 2024. của Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh.

Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sơn Trường

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 3500680398 ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại sở tài chính TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 25/30 Nguyễn Thị Định P. Tam Thẳng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0972264226

Email: Congtysontuong@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: LAS-XD 02.013

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 25/30 Nguyễn Thị Định P. Tam Thẳng, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện: Trần Thị Loan

- Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): Khánh Cố

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1.	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng.	13605 : 2023 ASTM C188; C204	Sàng 0,09, Bình tỷ trọng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
2.	Xi măng – phương pháp xác định độ dẻo, thời gian đông kết & độ ổn định thể tích.	TCVN 6017:15 ASTM C187; C191	Khuôn Vica, Khuôn Le Chater, tấm kim loại, Tủ hấp mẫu	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
3.	Xác định độ bền nén và uốn	TCVN 6016:2011 ASTM C109	Gá uốn vữa, Gá nén vữa, máy nén	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
II. HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
4.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu bê tông	TCVN 3105:2022	Khuôn mẫu bê tông, Bàn rung, Đầm dùi	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
5.	Độ sụt bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143	Côn thử độ sụt, Thước đo độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
6.	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:1993 ASTM C232	Khuôn thép 200x200x200mm, cân kỹ thuật, sàng 5mm, ống đong	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
7.	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1979	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, xẻng xúc	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
8.	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:1993 ASTM C642	Bình khối lượng riêng, cối chà đồng.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi

9.	Khối lượng thể tích bê tông nặng	TCVN 3108:2022 ASTM C138	Thùng đo thể tích, Cân điện tử, thước lá	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
10.	Xác định cường độ giới hạn bền nén, hệ số thấm	ASTM C39; C42 AASHTO T22; T140 TCVN 3118:2022 TCVN 3116:2022	Máy nén bê tông 2000kN	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
11.	Cường độ kéo khi uốn bê tông	TCVN 3119:2022 ASTM C293; C78	Máy uốn bê tông, bộ gá thử uốn	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
12.	Khối lượng thể tích và độ hút nước bê tông	TCVN 3113:2022 ASTM C642 TCVN 3115:2022 ASTM C642	Tủ sấy, Cân điện tử, Thùng nước	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
13.	Thiết kế thành phần cấp phối	TCVN 9382-2012 HD 778/98		Nguyễn Văn Thế,

III. CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

14.	Thành phần hạt, Modun độ lớn	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136:06	Bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, xẻng múc	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
15.	Khối lượng riêng, Khối lượng thể tích cốt liệu, Độ hút nước cốt liệu	TCVN 7572-4:2006 ASTM C127-12; C128-12	Bình tỷ trọng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
16.	Khối lượng riêng, Khối lượng thể tích Độ hút nước cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127-12	Phễu xác định độ xốp, thùng đóng, cân, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
17.	Khối lượng thể tích xốp, độ hỏng cốt liệu	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29-09	Thùng đóng, Cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi

18.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566:04	Tủ sấy 105±5°C, cân điện tử, hộp đựng mẫu, bình hút ẩm, khay sấy.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
19.	Hàm lượng bụi bùn sét trong cát	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117:04; 142:10	Bình rửa cát, Cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
20.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40:11	Ổng nghiệm thủy tinh, dung dịch NaOH, giá đỡ ống nghiệm, cốc thủy tinh.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
21.	Xác định cường độ và độ hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM C2938:02	Máy nén vật liệu (máy nén bê tông / đá), Tủ sấy, Cân kỹ thuật, Thước cặp	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
22.	Xác định hệ số nén dập và hệ số hóa mềm	TCVN 7572-11:2006	Máy nén vật liệu, ộ khuôn (xilanh) thí nghiệm nén dập đá dăm, Sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
23.	Độ hao mòn Los Angeles của đá	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131:06; C535:09	Máy Los Angeles	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
24.	Hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006 AASHTO T335	Thước đo hạt thoi dẹt	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
25.	Xác định hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN-17:2006	Bộ sàng tiêu chuẩn; Khay đựng mẫu; Tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
26.	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 7572-15:2006	Cân điện tử; Tủ sấy; Buret thủy tinh; Nước cất	Nguyễn Văn Thế
IV. VỮA XÂY DỰNG				
27.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121:2022 EN 1051-1:99	Bộ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25 mm; 0,63mm; 0,315mm; 0,14mm;	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi

			0,08mm; cân kỹ thuật; tủ sấy	
28.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022 ASTM C1437:07	Cân kỹ thuật; thước kẹp; bay; chảo; bàn dẫn; khâu hình côn.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
29.	Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:20023 EN 1015-10:99	Cân điện tử, cân thủy tĩnh	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
30.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03 ASTM C1218:99 EN 1015-18:02; 1015-19:02	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
31.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn.	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109-11B EN 445:07; 1015-11:99	Khuôn; chày đầm; thùng bảo dưỡng mẫu; mảnh vãi; giấy lọc; tấm kính; máy thử uốn nén.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
32.	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459:1987	Máy trộn vữa phòng thí nghiệm, cân điện tử, khuôn mẫu vữa, bàn dẫn	Nguyễn Văn Thế
V. GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
33.	Kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan (dài, rộng, cao)	TCVN 6477:16	Thước thép, thước kẹp	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
34.	Cường độ nén	TCVN 6477:16	Máy nén vật liệu	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
35.	Xác định độ hút nước; độ thấm nước Xác định độ rỗng.	TCVN 6477:16	Tủ sấy, cân, bể ngâm	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
36.	Kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan (dài, rộng, cao)	TCVN 6476:16	Thước thép, thước kẹp	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi

37.	Cường độ nén	TCVN 6476:16	Máy nén vật liệu	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
VI. GẠCH TERAZZO				
38.	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn;	TCVN 7744:2013	Thước thép, thước kẹp, Máy nén vật liệu	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
VII. GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
39.	Kích thước hình học gạch, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355- 1:2009	Thước kẹp, Thước thép	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
40.	Cường độ nén, uốn gạch	TCVN 6355- 2,3:2009	Máy nén vật liệu	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
41.	Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng, độ rỗng	TCVN 6355- 4,5,6:2009	Tủ sấy, Cân điện tử, Thước kẹp, Thước thép	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
VIII. CƠ LÝ CỦA KIM LOẠI				
42.	Thử kéo kim loại.	TCVN 197- 2014	Máy kéo nén vạn năng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
43.	Thử uốn kim loại.	TCVN 198- 2008	Máy kéo nén vạn năng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
44.	Thử kéo bulong ốc đai, ốc vít, vật liệu bulong	TCVN 197- 2014 TCVN 198- 2008 TCVN 1916:1995	Máy kéo nén vạn năng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
45.	Kéo nhỏ thép khoan cây	TCVN 9490:2012	Máy kéo nhỏ thép	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
IX. VẬT LIỆU ĐẤT ĐẬP, CÁT, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM TRONG PHÒNG				
46.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012	Bình tỷ trọng (pycnometer), cân điện tử, tủ sấy,	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành

		ASTM D854-00	binh hút ẩm, cốc thủy tinh	Nhân, Lê Đình Phi
47.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm.	TCVN 4196:2012 ASTM D2216-10	: Tủ sấy 105±5°C, cân điện tử, hộp đựng mẫu, bình hút ẩm, khay sấy.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
48.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4197:2012 ASTM D4318-00; T90-08	Thiết bị Casagrande, bàn kính, dao cắt rãnh, tủ sấy, cân điện tử.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
49.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 ASTM C136-06 D1140-00	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy sàng rung, cân điện tử, khay chứa mẫu, chổi sàng.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
50.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012 ASTM D1557-02; D698-00a	Bộ khuôn Proctor, búa đầm tiêu chuẩn, cân điện tử, thước thẳng, tủ sấy.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
51.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 8721:2012 ASTM D2937-71	Dao vòng lấy mẫu, cân điện tử, thước đo kích thước, tủ sấy.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
52.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ.	14 TCN 148-05 AASHTO T267:91	Ống nghiệm thủy tinh, dung dịch NaOH, giá đỡ ống nghiệm, cốc thủy tinh.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
53.	Thử nghiệm sức chịu tải (CBR) của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332:06 ASTM D1883	Máy CBR, khuôn CBR, máy nén, đồng hồ đo biến dạng, bộ gia tải.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
X. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BÊ TÔNG NHỰA				
54.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 ASTM D1599; D6927	Máy nén Marshall, khuôn Marshall, búa đầm Marshall, bể ổn nhiệt 60°C, đồng hồ đo biến dạng, cân điện tử, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
55.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011 ASTM D2172	Máy chiết nhựa ly tâm, cân điện tử, tủ sấy, cốc chiết, giấy lọc, dung môi	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
56.		TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi

	Xác định thành phần hạt			Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
57.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 ASTM D2041	Cân điện tử, thùng đong thể tích chuẩn	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
58.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng riêng của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân thủy tĩnh, bể nước	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
59.	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011	Thiết bị đo độ chảy, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
60.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Phễu tiêu chuẩn, ống đong, cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
61.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan lấy mẫu bê tông nhựa, cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
62.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Cân thủy tĩnh, bể nước	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
63.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
64.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
65.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall, bể ổn nhiệt	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi

66.	Xác định tỷ lệ bột khoáng trên nhựa	TCVN 13567-1:2022	Cân điện tử, bộ sàng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
67.	Xác định độ góc cạnh cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Thiết bị đo độ góc cạnh	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
68.	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075 mm	AASHTO T11	Bộ sàng 0.075 mm, máy lắc sàng, cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
69.	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	AASHTO T112	Khay rửa mẫu, cân điện tử, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
70.	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011	Thiết bị đo độ chảy, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
71.	Thiết kế cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:2011 TCVN 13567:2022		Nguyễn Văn Thế
XI. NHỰA BITUM (NHỰA ĐƯỜNG ĐẶC)				
72.	Xác định độ kim lún.	TCVN 7495:2005	Thiết bị xuyên kim; kim xuyên; Cốc đựng mẫu; bể ổn nhiệt; bình chuyên tiếp; đồng hồ; nhiệt kế.	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
73.	Xác định độ kéo dài.	TCVN 7496:2005	Khuôn; bể ổn nhiệt; thiết bị thử nghiệm; nhiệt kế	
74.	Xác định độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi).	TCVN 7497:2005	Vòng chứa mẫu; tấm lót; bi; vòng dẫn hướng; bình; khung treo; nhiệt kế	
75.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland.	TCVN 7498:2005	Thiết bị cốc hồ Cleveland; nhiệt kế	
76.	Xác định tổn thất khối lượng sau khi	TCVN 7499:2005	Tủ sấy; kết cấu; giá quay; nhiệt kế; cốc mẫu	

	đun nóng ở 163°C so với ở 25°C.			
77.	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene.	TCVN 7500:2005	Cốc Gooch; lưới sợi thủy tinh; bình lọc; ống lọc; ống cao su; bình erlenmeyer; tủ sấy	
78.	Xác định khối lượng riêng (Tỷ trọng).	TCVN 7501:2005	Tỷ trọng kế; bể ổn nhiệt; nhiệt kế	
79.	Độ nhớt động học.	TCVN 7502:2005	Nhớt kế; nhiệt kế; bể; dụng cụ đo thời gian.	
80.	Xác định hàm lượng Paraphin.	TCVN 7503:2005	Tủ sấy; bình chung cất; vòng kim loại bảo vệ; ống nghiệm; bình erlenmeyer; bình lọc; chai rửa thủy tinh; bể làm lạnh; phễu; cân; bình hút ẩm; nồi sủ; giấy lọc; dụng cụ đo thời gian; kẹp	
81.	Xác định độ dính bám đối với đá.	TCVN 7504:2005	Dây buộc kim loại; bình thủy tinh; bếp đun; nhiệt kế.	

XII. THỦ CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA

82.	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 8735:2012	Bình tỉ trọng, cân điện tử	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
83.	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
84.	Xác định độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi

XIII. THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
85.	Xác định độ ẩm, độ chặt nền, mặt đường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20;	Dao đai búa đóng, cân điện tử, hộp đựng mẫu, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
86.	Xác định khối lượng thể tích bằng dao vòng	TCVN 4202:2012 TCVN 8729:2012	Dao vòng búa đóng, cân điện tử, hộp đựng mẫu, tủ sấy	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
87.	Xác định thể tích của đất tại hiện trường bằng PP rót cát	TCVN 8730:2012 22TCN 346:2006	Bộ phễu rót cát, bình chứa cát chuẩn, khay đào hố, cân điện tử, thước đo	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
88.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đường và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:11	Hệ thống chất tải; kích thủy lực; tấm ép cứng 33cm; đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ, thước nivo	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
89.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3 m	TCVN 8864:2011	Thước nhôm 3 m, nêm đo khe hở, thước thép	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
90.	Đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Cát chuẩn, ống đong thể tích, chổi quét, thước đo đường kính vòng cát	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
91.	Xác định mô đun đàn hồi E của đất và vật liệu áo đường tại hiện trường bằng tấm ép cứng	TCVN 8867:2025	Bộ thí nghiệm tấm ép cứng (Plate Load Test), kích thủy lực, đồng hồ đo biến dạng, khung đối trọng	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
92.	Đo điện trở suất của đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở đất (Earth tester), cọc điện cực, dây dẫn đo	Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Lê Thành Nhân, Lê Đình Phi
XIV. THỬ NGHIỆM NƯỚC XÂY DỰNG				
93.	Xác định hàm lượng cặn không hòa tan, xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1998	Tủ sấy; Cân; Bình hút ẩm; Cốc thủy tinh; Giấy lọc không tro	Nguyễn Văn Thế
94.	Xác định hàm lượng ion Clorua	TCVN 6194:1996	Buret; Bình tam giác; Hóa chất chuẩn	Nguyễn Văn Thế

95.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 2671:1978	Ổng nghiệm; Bình định mức; Hóa chất	Nguyễn Văn Thế
-----	---------------------------------------	-------------------	---	-------------------

Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sơn Trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

Thông tin đã được công bố tại Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa chỉ: <https://sontruong.com.vn>

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG SƠN TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Trần Thị Loan